

Số: **028024**  
Ngày: 06-09-2013  
Chuyển: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM  
SHB - VINACOMIN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*


## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**SAO Y BẢN CHÍNH**

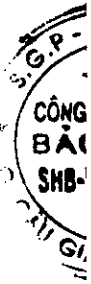
Ngày... tháng... năm 20...

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
KT. GIÁM ĐỐC BAN TC-HC  
PHÒNG HC-QT**



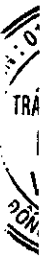
TỔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM  
SHB-VINACOMIN  
Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

*Nguyễn Văn Hải*



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ,

Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (SVIC) (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012)
Ông Bùi Thế Bình	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012)
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013)
Bà Đàm Ngọc Bích	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013)
Ông Bùi Gia Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012)
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012)
Ông Trần Đỗ Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Mạnh Điệp	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012)
Ông Bùi Đức Song	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Gia Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2012)
Ông Bùi Đức Song	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012)
Ông Trần Hùng Phú	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2012)
Ông Vũ Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 10 năm 2012)
Ông Phạm Thành Huy	Phó Tổng Giám đốc
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2013)

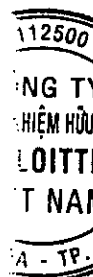
### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

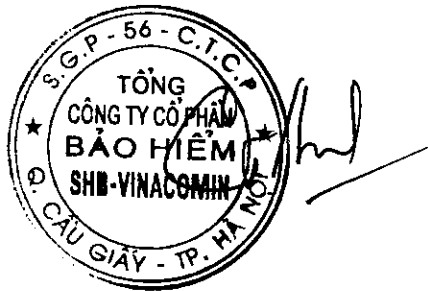
Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ,

Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Bùi Gia Anh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013*



Số: 445 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

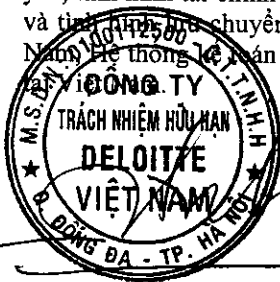
Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 04 tháng 4 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan.



**Khúc Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

**Hoàng Văn Kiên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DNBH**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>411.127.525.181</b>	<b>393.568.743.579</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>64.255.663.356</b>	<b>56.408.592.280</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		2.456.815.584	3.021.246.420
2. Tiền gửi ngân hàng	112		43.798.847.772	20.887.345.860
3. Các khoản tương đương tiền	113		18.000.000.000	32.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>246.184.360.732</b>	<b>246.847.793.992</b>
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		85.254.589.617	90.377.615.510
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		184.875.110.732	170.200.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129		(23.945.339.617)	(13.729.821.518)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>88.722.157.515</b>	<b>78.892.062.751</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	<b>6</b>	88.287.882.460	74.370.632.952
2. Trả trước cho người bán	132		1.206.250.820	3.869.767.298
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		805.001	439.260.271
4. Các khoản phải thu khác	138		8.953.409.852	2.106.255.082
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.726.190.618)	(1.893.852.852)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>855.273.447</b>	<b>443.173.168</b>
1. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		771.960.227	390.299.350
2. Công cụ, dụng cụ tồn kho	143		83.313.220	52.873.818
<b>V. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>11.110.070.131</b>	<b>10.977.121.388</b>
1. Tạm ứng	151		10.034.095.796	9.606.180.322
2. Chi phí trả trước	152		829.773.379	1.264.840.110
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		246.200.956	106.100.956
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+243)	<b>200</b>		<b>167.072.167.448</b>	<b>172.317.933.718</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>38.197.917.754</b>	<b>41.720.586.886</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	<b>7</b>	38.195.685.611	41.057.510.499
- Nguyên giá	212		46.252.212.460	45.954.988.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(8.056.526.849)	(4.897.477.987)
2. Tài sản cố định vô hình	217		2.232.143	663.076.387
- Nguyên giá	218		1.995.000.000	1.995.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1.992.767.857)	(1.331.923.613)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>220</b>	<b>8</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>117.850.000.000</b>
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		30.000.000.000	87.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty con	222		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228		49.000.000.000	-
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>650.000.000</b>	-
<b>IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.690.265.186</b>	<b>12.598.755.186</b>
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		6.690.265.186	6.598.755.186
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>243</b>		<b>6.533.984.508</b>	<b>148.591.646</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	244		202.714.981	148.591.646
2. Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	245	<b>9</b>	6.331.269.527	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>578.199.692.629</b>	<b>565.886.677.297</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH

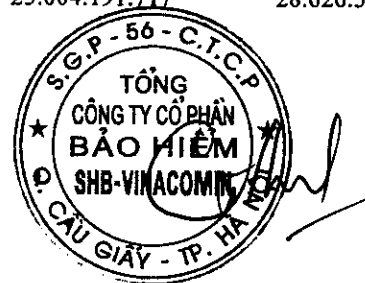
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)</b>	<b>300</b>		<b>254.640.173.967</b>	<b>232.903.695.926</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.439.228.589</b>	<b>39.040.556.834</b>
1. Phải trả cho người bán	313	10	26.337.957.619	25.343.622.637
2. Người mua trả tiền trước	314		1.975.199.669	930.437.673
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	11	11.719.010.863	11.001.321.703
4. Phải trả công nhân viên	316		2.504.137.876	490.447.347
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	12	7.841.113.007	991.969.001
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		61.809.555	282.758.473
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>13</b>	<b>201.198.998.560</b>	<b>192.493.633.406</b>
1. Dự phòng phí	331		115.957.082.516	115.016.595.133
2. Dự phòng bồi thường	333		59.907.374.447	59.701.530.448
3. Dự phòng dao động lớn	334		25.334.541.597	17.775.507.825
<b>III. Nợ khác</b>	<b>340</b>		<b>3.001.946.818</b>	<b>1.369.505.686</b>
1. Chi phí phải trả	341		3.001.946.818	1.369.505.686
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>323.559.518.662</b>	<b>332.982.981.371</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>323.559.518.662</b>	<b>332.982.981.371</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		4.074.487.685	2.953.542.089
3. Lợi nhuận chưa phân phối	418		19.485.030.977	30.029.439.282
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>430</b>		<b>578.199.692.629</b>	<b>565.886.677.297</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	25.004.191.717	28.626.599.146


Ninh Viết Hòa  
Người lập biểu

Vũ Anh Hoàng  
Kế toán trưởngBùi Gia Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02A-DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		312.822.909.455	312.303.244.626
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		32.222.056.524	14.467.458.471
3. Các khoản giảm trừ:	03		93.077.033.576	77.654.648.212
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		91.267.595.544	73.907.872.979
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.809.438.032	3.746.775.233
4. Tăng dự phòng phí	08	13	940.487.383	9.418.714.893
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		27.596.376.418	22.944.648.657
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		6.740.184.010	4.219.800.201
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		6.880.090.551	3.956.100.522
- Thu khác (đại lý, giám định...)	13		(139.906.541)	263.699.679
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		285.364.005.448	266.861.788.850
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		118.627.143.642	106.572.293.253
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		5.529.816.341	1.204.897.949
10. Các khoản giảm trừ:	17		19.366.723.746	14.158.135.947
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		19.343.913.746	11.941.204.423
- Thu đòi người thứ ba	19		-	2.216.280.524
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		22.810.000	651.000
11. Bồi thường thuộc phân trách nhiệm giữ lại	21		104.790.236.237	93.619.055.255
12. Tăng dự phòng bồi thường	23	13	265.490.519	8.930.750.444
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	13	7.559.033.772	7.474.935.222
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		53.348.531.781	44.349.296.803
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		44.165.618.297	40.613.605.407
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		35.265.223.833	34.586.188.473
- Chi giám định tổn thất	28		2.000.357.892	1.180.388.141
- Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		142.429.447	312.237.652
- Chi đề phòng hạn chế tổn thất	32		3.935.774.824	1.899.350.455
- Chi khác	33		2.821.832.301	2.635.440.686
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		9.172.828.234	3.735.691.396
- Chi hoa hồng	35		8.099.672.144	3.599.410.537
- Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		793.215.932	30.380.853
- Chi khác	38		279.940.158	105.900.006
14.3 Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		10.085.250	-
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		165.963.292.309	154.374.037.724
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		119.400.713.139	112.487.751.126
17. Chi phí bán hàng	43		21.810.541.050	15.458.579.451
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		106.137.223.842	95.635.862.147
19. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(8.547.051.753)	1.393.309.528
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	63.268.126.254	65.902.959.526
21. Chi phí hoạt động tài chính	47	17	25.423.162.243	17.267.724.730
22. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		37.844.964.011	48.635.234.796
23. Thu nhập hoạt động khác	52		148.968.364	79.844.643
24. Chi phí hoạt động khác	53		708.280.220	100.589.577
25. (Lỗ) hoạt động khác	54		(559.311.856)	(20.744.934)
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55		28.738.600.402	50.007.799.390
27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	18	12.650.958.017	12.011.660.435
27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60	9	-	-
28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		16.087.642.385	37.996.138.955

*(Signature)*

Ninh Việt Hòa  
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

*(Signature)*

Vũ Anh Hoàng  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


**MẪU SỐ B 03-DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	336.242.350.391	328.939.371.524
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	24.828.411.597	6.959.110.682
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	39.395.265.044	34.134.361.200
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(123.165.273.902)	(104.810.830.322)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(53.345.882.880)	(78.106.180.651)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(39.636.564.063)	(34.476.704.982)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(38.977.734.665)	(35.680.413.667)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(32.242.693.689)	(31.611.104.194)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(42.635.195.311)	(39.367.781.475)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(24.370.966.849)	(14.882.573.341)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>46.091.715.673</b>	<b>31.097.254.774</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	708.938.817.581	1.592.437.670.448
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	53.094.787.718	43.484.043.793
3. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(769.321.917.971)	(1.668.906.898.278)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(934.542.725)	(12.347.219.304)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.222.855.397)</b>	<b>(45.332.403.341)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả cổ tức cho các cổ đông	35	(30.021.789.200)	(16.158.678.150)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.021.789.200)</b>	<b>(16.158.678.150)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>7.847.071.076</b>	<b>(30.393.826.717)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.408.592.280	86.849.843.631
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(47.424.634)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>64.255.663.356</b>	<b>56.408.592.280</b>



Ninh Viêt Hòa  
Người lập biểu



Vũ Anh Hoàng  
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (gọi tắt là "Tổng Công ty" hoặc "SVIC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 300 tỷ đồng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và mười bốn (14) công ty thành viên trên cả nước, bao gồm: SVIC Hà Nội, SVIC Quảng Ninh, SVIC Hải Phòng, SVIC Bắc Sông Hồng, SVIC Nam Sông Hồng, SVIC Việt Bắc, SVIC khu vực Tây Bắc, SVIC Nghệ An, SVIC Bắc Miền Trung, SVIC Nam Miền Trung, SVIC Tây Nguyên, SVIC Sài Gòn, SVIC Gia Định và SVIC Thăng Long.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty</i>
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC	Tầng 7, tòa nhà AC, lô A1A, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Đầu tư tài chính; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; kinh doanh, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản	100%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 305 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 343).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất; giám định tổn thất; đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường; yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; quản lý quỹ và đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) về hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thay thế cho Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (“Thông tư 156”). Thông tư 125 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Thông tư 125 quy định về chế độ tài chính, bao gồm các quy định về vốn, dự phòng nghiệp vụ, đầu tư tài chính, doanh thu - chi phí, chế độ báo cáo và thông tin quản trị về cơ bản là giống như Thông tư 156.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 125 và Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin quan trọng khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con) và các tài sản tài chính khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, dự phòng bồi thường và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	10
TSCĐ hữu hình khác	4

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản góp vốn cổ phần, các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Khoản đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng tại Tổng Công ty, các chi nhánh và các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê, các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo quy định hiện hành.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

**Ghi nhận doanh thu**

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc: Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát hành hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn giá trị gia tăng được phát hành khi đơn bảo hiểm có hiệu lực và đã thu được tiền, hoặc đã đến hạn thanh toán mà Tổng Công ty chưa thu được tiền nhưng đánh giá rằng có thể thu được phí bảo hiểm. Các đơn bảo hiểm Tổng Công ty cho khách hàng nợ phí nhưng sau đó khách hàng không nộp phí theo đúng thoả thuận được xem là chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và Tổng Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các đơn bảo hiểm này.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm: Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Đối với hoạt động khác:

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích; doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi nhận được thông báo chia cổ tức; các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi phát sinh.

**Chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn kinh doanh hoặc tối thiểu 6 tỷ đồng. Khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012), theo đó:

Dự phòng phí: Mức trích lập dự phòng phí được tính bằng 25% số phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyên hàng hóa và bằng 50% số phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR): Theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012), các công ty bảo hiểm phải trích lập dự phòng IBNR theo số liệu thống kê trong quá khứ. Tuy nhiên, do Tổng Công ty chưa có đủ dữ liệu thống kê nên đã được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp tính dự phòng IBNR bằng 1% phí giữ lại trong năm tại Công văn số 17121/BTC-QLBH ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012), dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm, và được trích cho tới khi bằng 100% phí giữ lại trong năm.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Toàn bộ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông.

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

Việc phân phối lợi nhuận sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng (i)</b>	<b>184.875.110.732</b>	<b>170.200.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	51.000.000.000	21.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	20.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	100.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	10.000.000.000	33.100.000.000
- Các tổ chức khác	23.875.110.732	26.000.000.000
<b>Đầu tư trái phiếu ngắn hạn</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>43.500.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	-	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	-	12.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (iii)	25.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long (iv)	20.000.000.000	-
<b>Đầu tư cổ phiếu niêm yết</b>	<b>912.449.617</b>	<b>40.385.475.510</b>
<b>Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>9.342.140.000</b>	<b>6.492.140.000</b>
	<b>270.129.700.349</b>	<b>260.577.615.510</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(23.945.339.617)	(13.729.821.518)
	<b>246.184.360.732</b>	<b>246.847.793.992</b>

- (i) Khoản tiền gửi bằng VND tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng có kỳ hạn trên 3 tháng và sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất từ 9%/năm - 14%/năm.
- (ii) Là khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long với số tiền là 30 tỷ đồng, lãi suất trái phiếu được tính bằng bình quân lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của 4 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) cộng với lãi suất biên 4%/năm. Lãi trái phiếu được trả sau và được thanh toán một lần vào ngày 19 tháng 8 hàng năm. Trái phiếu đã đáo hạn vào ngày 19 tháng 8 năm 2012, tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được gốc và lãi trái phiếu với số tiền tương ứng là 30 tỷ đồng và 5,49 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về khả năng thu hồi khoản gốc và lãi trái phiếu nêu trên trong giai đoạn Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long đang gặp khó khăn về tài chính và quyết định mức dự phòng cần trích lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho gốc và lãi trái phiếu lần lượt là 10 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ dự phòng 33,33% gốc trái phiếu) và 5.490.000.000 đồng (tương ứng 100% lãi trái phiếu phải thu).
- (iii) Trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất trong năm đầu là 15,5%/năm, lãi suất trong các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 6 tháng/lần và được tính bằng lãi suất bình quân của 4 Ngân hàng: Vietcombank, BIDV, Agribank và Vietinbank cộng với 4,5%/năm. Lãi trái phiếu được trả 12 tháng/lần trong năm đầu tiên và 6 tháng/lần kể từ năm thứ 2 trở đi. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 8 năm 2013 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản trái phiếu này vẫn được trình bày tại mục đầu tư tài chính dài hạn như Thuyết minh số 8).
- (iv) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất trong kỳ đầu là 20%/năm, lãi suất trong các kỳ tiếp theo được thả nổi bằng lãi suất bình quân của 4 Ngân hàng: Vietcombank, BIDV, Agribank và Vietinbank cộng với 5,5%/năm. Lãi trái phiếu được trả 6 tháng/lần. Trái phiếu sẽ đáo hạn sau 02 năm kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2011 và có thể gia hạn 01 năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản trái phiếu này vẫn được trình bày tại mục đầu tư tài chính dài hạn như Thuyết minh số 8).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	24.527.717.110	16.240.221.651
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	3.081.605.114	2.730.565.335
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	30.158.360.025	34.268.920.002
Phải thu hoạt động tài chính	29.590.950.211	19.417.611.675
Phải thu khách hàng khác	929.250.000	1.713.314.289
	<b>88.287.882.460</b>	<b>74.370.632.952</b>

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	30.189.452.727	11.996.668.486	3.728.807.273	40.060.000	45.954.988.486
Tăng trong năm	293.800.000	6.800.000	201.882.637	26.472.000	528.954.637
Giảm trong năm	-	(56.696.100)	(175.034.563)	-	(231.730.663)
Tại ngày 31/12/2012	<b>30.483.252.727</b>	<b>11.946.772.386</b>	<b>3.755.655.347</b>	<b>66.532.000</b>	<b>46.252.212.460</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	301.894.527	2.366.341.227	2.193.048.465	36.193.768	4.897.477.987
Tăng trong năm	1.264.916.487	1.335.793.161	679.694.712	16.021.529	3.296.425.889
Giảm trong năm	-	-	(128.007.445)	(9.369.582)	(137.377.027)
Tại ngày 31/12/2012	<b>1.566.811.014</b>	<b>3.702.134.388</b>	<b>2.744.735.732</b>	<b>42.845.715</b>	<b>8.056.526.849</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b>28.916.441.713</b>	<b>8.244.637.998</b>	<b>1.010.919.615</b>	<b>23.686.285</b>	<b>38.195.685.611</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>29.887.558.200</b>	<b>9.630.327.259</b>	<b>1.535.758.808</b>	<b>3.866.232</b>	<b>41.057.510.499</b>

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>87.850.000.000</b>
Đầu tư trái phiếu dài hạn	30.000.000.000	85.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái (i)	30.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	-	20.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh	-	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	-	20.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết	-	2.850.000.000
<b>Đầu tư vào công ty con (ii)</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Các khoản đầu tư dài hạn khác (iii)	49.000.000.000	-
	<b>109.000.000.000</b>	<b>117.850.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định trong năm đầu, thả nổi trong các năm tiếp theo, lãi suất trái phiếu trong năm đầu là 20%/năm, lãi được trả 6 tháng/lần. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 11 năm 2014.
- (ii) Khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC, tỉ lệ quyền sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC là 100% như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.
- (iii) Đầu tư dài hạn khác phản ánh 3 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 13%/năm.

**9. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Dự phòng đầu tư chứng khoán VND	Khấu hao tòa nhà văn phòng VND	Dự phòng lãi trái phiếu VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	5.000.000.000	301.894.527	1.029.375.000	6.331.269.527
Tại ngày 31/12/2012	5.000.000.000	301.894.527	1.029.375.000	6.331.269.527

**10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	5.158.204.877	4.086.481.275
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	966.821.815	1.617.624.657
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	17.801.021.729	17.230.256.408
Phải trả khác cho người bán	2.411.909.198	2.409.260.297
	<u>26.337.957.619</u>	<u>25.343.622.637</u>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2012</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Đã nộp trong năm</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.048.327.305	17.986.982.553	17.544.725.096	1.490.584.762
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.125.375.343	12.650.958.017	11.376.391.686	9.399.941.674
3. Các loại thuế khác	1.827.619.055	2.322.442.279	3.321.576.907	828.484.427
	<u>11.001.321.703</u>	<u>32.960.382.849</u>	<u>32.242.693.689</u>	<u>11.719.010.863</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	46.440.284	(3.173.815)
Bảo hiểm y tế	13.266.983	9.178.654
Kinh phí công đoàn	373.433.664	157.416.139
Phải trả cổ tức	309.248.200	331.037.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	7.098.723.876	497.510.623
	<u>7.841.113.007</u>	<u>991.969.001</u>

- (i) Bao gồm 6 tỷ đồng là tài sản thừa khi kiểm kê chưa rõ nguyên nhân. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang thực hiện đánh giá để xác định nguyên nhân của tài sản thừa chờ xử lý này.

**13. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí	115.016.595.133	940.487.383	-	115.957.082.516
Dự phòng bồi thường (i)	59.701.530.448	1.016.336.537	810.492.538	59.907.374.447
- Phần thuộc trách nhiệm của SVIC	38.873.037.910	265.490.519	-	39.138.528.429
- Phần thuộc trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm	20.828.492.538	750.846.018	810.492.538	20.768.846.018
Dự phòng dao động lớn	17.775.507.825	7.559.033.772	-	25.334.541.597
	<u>192.493.633.406</u>	<u>9.515.857.692</u>	<u>810.492.538</u>	<u>201.198.998.560</u>

- (i) Dự phòng bồi thường bao gồm:

- a. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng này được trích ở mức 57.387.696.524 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 20.768.846.018 đồng.
- b. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng này được trích với giá trị 2.519.677.923 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Phần dự phòng bồi thường tăng trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuần, tức là sau khi trừ đi phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. NGUỒN VỐN, QUỸ****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	59.862.062	1.053.735.142	12.187.709.250	313.301.306.454
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	37.996.138.955	37.996.138.955
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(18.254.601.976)	(18.254.601.976)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	1.899.806.947	(1.899.806.947)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	(59.862.062)	-	-	(59.862.062)
Tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	-	2.953.542.089	30.029.439.282	332.982.981.371
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.418.911.912	22.418.911.912
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(29.439.282)	(29.439.282)
Trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	1.120.945.596	(1.120.945.596)	-
Thuế phải nộp bổ sung theo thanh tra thuế	-	-	-	(1.812.935.339)	(1.812.935.339)
Tại ngày 31/12/2012	300.000.000.000	-	4.074.487.685	19.485.030.977	323.559.518.662

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 631/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 12 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 10% (trung đương 1.000 đồng/cổ phiếu).

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 300 tỷ đồng, tương đương với 30 triệu cổ phần. Danh sách các cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động		Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2012 (VND)
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	30.000.000.000	10,0%	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	15.000.000.000	5,0%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	30.000.000.000	10,0%	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	29.700.000.000	9,9%	29.700.000.000
Cổ đông khác	195.300.000.000	65,1%	195.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>300.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.965.639.949	8.829.714.666
Chi phí nhân công	50.468.737.755	42.236.119.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.957.270.133	3.534.111.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.826.023.013	16.445.155.800
Chi phí khác	46.730.094.042	40.049.339.629
	<b>127.947.764.892</b>	<b>111.094.441.598</b>

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	35.983.216.799	35.169.588.124
Lãi trái phiếu	18.572.300.099	24.347.182.379
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.415.649.269	2.846.122.220
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.344.096.442	2.861.157.652
Lãi chênh lệch tỷ giá	220.043.101	678.909.151
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.732.820.544	-
	<b>63.268.126.254</b>	<b>65.902.959.526</b>

**17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	9.354.550.800	3.128.645.415
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	15.705.518.099	13.385.256.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá	277.582.085	723.857.749
Chi phí hoạt động tài chính khác	85.511.259	29.965.126
	<b>25.423.162.243</b>	<b>17.267.724.730</b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>28.738.600.402</b>	<b>50.007.799.390</b>
Trừ: thu nhập không chịu thuế	4.344.096.442	2.861.157.652
- Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	4.344.096.442	2.861.157.652
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	26.209.328.108	900.000.000
- Thu lao và phụ cấp Hội đồng Quản trị	884.250.000	900.000.000
- Khấu hao văn phòng	1.207.578.108	-
- Trích dự phòng đầu tư chứng khoán	20.000.000.000	-
- Dự phòng lãi trái phiếu	4.117.500.000	-
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>50.603.832.068</b>	<b>48.046.641.738</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	12.650.958.017	12.011.660.435
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm</b>	<b>12.650.958.017</b>	<b>12.011.660.435</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

**20. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG, VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đang có vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến khoản yêu cầu bồi thường tổn thất chìm tàu Trà Lý 18 từ phía khách hàng là Xí nghiệp Vận tải biển Thái Thụy nhưng Tổng Công ty không chấp nhận bồi thường vì cho rằng tổn thất này không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty theo các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến vụ việc nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7 tỷ đồng. Ảnh hưởng cuối cùng của vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của Ủy ban hòa giải hay Tòa án.

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.255.663.356	56.408.592.280
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.515.101.694	74.583.035.182
Đầu tư ngắn hạn	246.184.360.732	246.847.793.992
Đầu tư dài hạn	79.000.000.000	87.850.000.000
Tài sản tài chính khác	12.936.466.142	12.704.856.142
<b>Tổng cộng</b>	<b>489.891.591.924</b>	<b>478.394.277.596</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	27.745.929.695	26.172.170.660
Dự phòng bồi thường	59.907.374.447	59.701.530.448
Chi phí phải trả	3.001.946.818	1.369.505.686
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.655.250.960</b>	<b>87.243.206.794</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	12.144.540.148	14.605.858.077	5.488.054.311	14.398.816.046

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng tương ứng khoảng 665 triệu đồng. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không trọng yếu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngoài khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào khác với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.255.663.356	-	64.255.663.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.515.101.694	-	87.515.101.694
Đầu tư ngắn hạn	246.184.360.732	-	246.184.360.732
Đầu tư dài hạn	-	79.000.000.000	79.000.000.000
Tài sản tài chính khác	246.200.956	12.690.265.186	12.936.466.142
<b>Tổng cộng</b>	<b>398.201.326.738</b>	<b>91.690.265.186</b>	<b>489.891.591.924</b>
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	27.745.929.695	-	27.745.929.695
Dự phòng bồi thường	59.907.374.447	-	59.907.374.447
Chi phí phải trả	3.001.946.818	-	3.001.946.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.655.250.960</b>	<b>-</b>	<b>90.655.250.960</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>307.546.075.778</b>	<b>91.690.265.186</b>	<b>399.236.340.964</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN**

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ  
Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.408.592.280	-	56.408.592.280
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.583.035.182	-	74.583.035.182
Đầu tư ngắn hạn	246.847.793.992	-	246.847.793.992
Đầu tư dài hạn	-	87.850.000.000	87.850.000.000
Tài sản tài chính khác	106.100.956	12.598.755.186	12.704.856.142
<b>Tổng cộng</b>	<b>377.945.522.410</b>	<b>100.448.755.186</b>	<b>478.394.277.596</b>
31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	26.172.170.660	-	26.172.170.660
Dự phòng bồi thường	59.701.530.448	-	59.701.530.448
Chi phí phải trả	1.369.505.686	-	1.369.505.686
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.243.206.794</b>	<b>-</b>	<b>87.243.206.794</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>290.702.315.616</b>	<b>100.448.755.186</b>	<b>391.151.070.802</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2012, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC	2.460.399.868	285.888.889
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13.504.528.694	13.427.091.439
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<u><b>Năm 2012</b></u> VND	<u><b>Năm 2011</b></u> VND
Lương, thưởng	2.406.067.872	2.754.306.028

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> VND
Phải thu của khách hàng		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.880.555.556	1.318.844.444
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC	2.204.606.993	285.888.889
Phải thu khác		
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC	5.033.494.994	778.807.152
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	120.371.805.617	57.906.809.351
Hợp đồng hợp tác đầu tư		
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SVIC	14.875.110.732	26.000.000.000